

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	2
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (Mẫu số B 01a - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Mẫu số B 02a - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số B 03a - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số B 09a - DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG XANH VIP

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy Chứng nhận
Đầu tư**

Số 02221000075 đề ngày 19 tháng 11 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đầu tư và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh do Ban Quản lý Khu Kinh tế Thành phố Hải Phòng cấp có thời hạn hoạt động là 45 năm kể từ ngày của Giấy Chứng nhận Đầu tư ban đầu.

Được thay thế bởi:

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp**

Số 0201579242 đề ngày 28 tháng 10 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Thay đổi gần nhất (lần thứ 3) của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được cấp ngày 15 tháng 11 năm 2017.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Đầu tư**

Số 3550787247 đề ngày 26 tháng 4 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư do Ban Quản lý Khu Kinh tế Thành phố Hải Phòng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tiến	Chủ tịch
Ông Cáp Trọng Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên
Ông Chang Yen I	Thành viên (bổ nhiệm ngày 3/2/2021)
Ông Chang Cheng Yung	Thành viên (miễn nhiệm ngày 3/2/2021)

Ban Giám đốc

Ông Cáp Trọng Cường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Dương Kim Khôi	Phó Giám đốc
Ông Tạ Công Thông	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1/7/2021)

Ban Kiểm soát

Ông Lê Thế Chung	Trưởng ban
Ông Trương Lý Thế Anh	Thành viên
Ông Wu Kuang Hui	Thành viên

**Người đại diện
theo pháp luật**

Ông Cáp Trọng Cường	Tổng Giám đốc
---------------------	---------------

Trụ sở chính

Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Người đại diện theo pháp luật được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính giữa niên độ. Người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đính kèm từ trang 5 đến trang 32. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Cáp Trọng Cường
Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật

Hải Phòng, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 4 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 6 năm 2021, và được Người đại diện theo pháp luật của Công ty phê chuẩn ngày 4 tháng 8 năm 2021. Báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo pháp luật xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Công ty do một đơn vị kiểm toán khác soát xét và báo cáo của họ đề ngày 14 tháng 8 năm 2020 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần. Đồng thời, báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng do đơn vị kiểm toán này kiểm toán và báo cáo của họ đề ngày 8 tháng 3 năm 2021 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



Đinh Thị Quỳnh Vân
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0582-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HAN 2852
Hà Nội, ngày 6 tháng 8 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG XANH VIP

Mẫu số B 01a – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		288.912.934.048	323.275.677.346
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	35.437.133.562	108.731.444.161
111	Tiền		15.437.133.562	27.131.444.161
112	Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	81.600.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		38.500.000.000	4.500.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	38.500.000.000	4.500.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		102.904.114.411	120.206.951.218
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	97.232.465.868	73.002.221.202
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.727.373.348	40.175.061.110
136	Phải thu ngắn hạn khác	7	2.944.275.195	7.029.668.906
140	Hàng tồn kho	8	21.016.449.591	17.545.072.441
141	Hàng tồn kho		21.016.449.591	17.545.072.441
150	Tài sản ngắn hạn khác		91.055.236.484	72.292.209.526
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	18.891.257.082	8.890.565.106
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	12(a)	72.103.284.993	63.401.644.420
153	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	12(a)	60.694.409	-
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		800.637.432.196	796.063.639.125
220	Tài sản cố định		509.812.087.131	498.766.583.672
221	Tài sản cố định hữu hình	10	509.812.087.131	498.766.583.672
222	Nguyên giá		1.122.976.408.479	1.054.411.171.979
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(613.164.321.348)	(555.644.588.307)
227	Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		1.982.375.000	1.982.375.000
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.982.375.000)	(1.982.375.000)
260	Tài sản dài hạn khác		290.825.345.065	297.297.055.453
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	290.825.345.065	297.297.055.453
270	TỔNG TÀI SẢN		1.089.550.366.244	1.119.339.316.471

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

Mẫu số B 01a – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		81.503.231.047	69.631.654.061
310	Nợ ngắn hạn		81.503.231.047	69.631.654.061
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	56.465.220.924	42.926.940.914
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		195.014.350	317.429.248
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12(b)	5.308.413.768	10.762.152.984
314	Phải trả người lao động	13	4.413.682.007	10.009.878.794
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	6.390.229.788	2.705.359.841
319	Phải trả ngắn hạn khác	15	4.809.283.210	182.753.280
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	3.921.387.000	2.727.139.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.008.047.135.197	1.049.707.662.410
410	Vốn chủ sở hữu		1.008.047.135.197	1.049.707.662.410
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17,18	632.500.000.000	632.500.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		632.500.000.000	632.500.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	18	(94.000.000)	(94.000.000)
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	18	375.641.135.197	417.301.662.410
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		285.801.662.410	265.424.661.249
421b	- LNST chưa phân phối của kỳ/năm nay		89.839.472.787	151.877.001.161
440	TỔNG NGUỒN VỐN		1.089.550.366.244	1.119.339.316.471



Nghiêm Thị Thùy Dương
Kế toán trưởng/Người lập

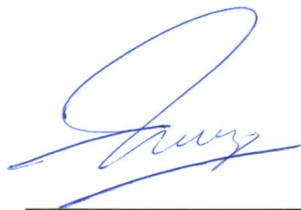


Cáp Trọng Cường
Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật
Ngày 4 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2021 VND	2020 VND
01	Doanh thu cung cấp dịch vụ	400.258.564.602	360.618.310.857
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	400.258.564.602	360.618.310.857
11	Giá vốn dịch vụ cung cấp	(276.452.228.779)	(256.657.911.624)
20	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	123.806.335.823	103.960.399.233
21	Doanh thu hoạt động tài chính	961.667.012	1.273.448.810
22	Chi phí tài chính	(563.688.448)	(2.338.189.207)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	-	(1.823.675.144)
25	Chi phí bán hàng	(13.245.557.538)	(12.404.721.324)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(9.340.001.362)	(8.564.617.601)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	101.618.755.487	81.926.319.911
32	Chi phí khác	(1.608.631.550)	-
40	Chi phí khác	(1.608.631.550)	-
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	100.010.123.937	81.926.319.911
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(10.170.651.150)	(4.114.745.068)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	89.839.472.787	77.811.574.843
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.341	1.191
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.341	1.191



Nghiêm Thị Thùy Dương
Kế toán trưởng/Người lập

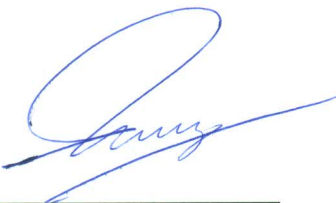


Cáp Trọng Cường
Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật
Ngày 4 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	100.010.123.937	81.926.319.911
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	57.519.733.041	65.429.935.248
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	383.534.507	18.230.350
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(938.790.354)	(875.907.063)
06	Chi phí lãi vay	-	1.823.675.144
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	156.974.601.131	148.322.253.590
09	Giảm các khoản phải thu	8.753.140.224	2.754.620.072
10	Tăng hàng tồn kho	(3.471.377.150)	(839.342.000)
11	Tăng các khoản phải trả	(25.803.051.465)	(2.161.806.558)
12	Tăng chi phí trả trước	(3.528.981.588)	(7.888.680.014)
14	Tiền lãi vay đã trả	-	(3.326.717.985)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(15.590.520.799)	-
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	-	(1.622.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	117.333.810.353	135.238.327.105
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(30.470.738.400)	(7.155.373.500)
23	Tiền gửi ngân hàng	(72.000.000.000)	(63.100.000.000)
24	Thu hồi tiền gửi ngân hàng	38.000.000.000	-
27	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	726.151.955	6.296.105
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(63.744.586.445)	(70.249.077.395)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Chi trả nợ gốc vay	-	(58.614.208.511)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(126.500.000.000)	-
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(126.500.000.000)	(58.614.208.511)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(72.910.776.092)	6.375.041.199
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	3 108.731.444.161	24.788.536.512
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(383.534.507)	(18.230.350)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3 35.437.133.562	31.145.347.361



 Nghiêm Thị Thùy Dương
 Kế toán trưởng/Người lập

 Cáp Trọng Cường
 Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật
 Ngày 4 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021****1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 02221000075 đề ngày 19 tháng 11 năm 2013 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Thành phố Hải Phòng cấp có thời hạn hoạt động là 45 năm kể từ ngày của Giấy Chứng nhận Đầu tư ban đầu. Sau đó, Giấy Chứng nhận Đầu tư được thay thế bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0201579242 đề ngày 28 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 3550787247 đề ngày 26 tháng 4 năm 2017 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Thành phố Hải Phòng cấp. Thay đổi gần nhất của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (lần thứ 3) được cấp ngày 15 tháng 11 năm 2017.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa và các hoạt động hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 171 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 162 nhân viên)

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”). Công ty xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán (tiếp theo)**

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ này để huy động các nguồn lực tài chính và thường xuyên thu được từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản và nợ phải trả tại thời điểm lập báo cáo tài chính lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên). Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi theo quy định của doanh nghiệp và các quy định hiện hành sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.8 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Người đại diện theo pháp luật thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ đến ngày đáo hạn.

2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm	5 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Ngoài ra, tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau năm 2003 cũng được ghi nhận là chi phí trả trước theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian thuê.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ tới ngày đến hạn thanh toán.

2.13 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi hoặc lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.15 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập từ LNST của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được sử dụng cho các hoạt động phúc lợi của nhân viên Công ty.

2.16 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2.17 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.18 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái.

2.19 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ.

2.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.21 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của kỳ hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.22 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.23 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Một bộ phận phải báo cáo của Công ty có thể dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

2.24 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Người đại diện theo pháp luật phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về nợ phải trả, tài sản và việc trình bày các khoản nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.9 và 10).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và được Người đại diện theo pháp luật đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30.6.2021	31.12.2020
	VND	VND
Tiền mặt	685.236.050	349.986.262
Tiền gửi ngân hàng	14.751.897.512	26.781.457.899
Các khoản tương đương tiền (*)	20.000.000.000	81.600.000.000
	<u>35.437.133.562</u>	<u>108.731.444.161</u>

(*) Bao gồm tiền gửi ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng với lãi suất là 2,8%/năm (2020: 2,9% - 3,3%/năm).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**
4 ĐÀU TỪ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Tại ngày 30.6.2021		Tại ngày 31.12.2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	38.500.000.000	38.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000

(*) Bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng trong nước bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và dưới 12 tháng với lãi suất là 3,5% - 4,9%/năm (2020: 4,3% - 4,9%/năm).

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Bên thứ ba	49.311.472.774	36.307.441.841
Trong đó:		
- Maersk Line A/S	21.808.924.109	14.191.921.251
- MCC Transport Singapore Pte. Ltd.	17.364.258.476	18.146.776.166
- Các khách hàng khác	10.138.290.189	3.968.744.424
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	47.920.993.094	36.694.779.361
	<u>97.232.465.868</u>	<u>73.002.221.202</u>

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Bạch Đằng tại Hà Nội	2.187.782.700	-
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	506.465.520	-
Công ty Cổ phần Unico Vina	-	39.094.132.000
Các nhà cung cấp khác	33.125.128	1.080.929.110
	<u>2.727.373.348</u>	<u>40.175.061.110</u>

7 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Doanh thu dự thu	1.048.179.933	4.870.520.933
Phải thu bồi thường thiệt hại tài sản	77.869.704	1.899.161.686
Lãi tiền gửi phải thu	306.283.878	93.645.479
Các khoản phải thu khác	1.511.941.680	166.340.808
	<u>2.944.275.195</u>	<u>7.029.668.906</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

8 HÀNG TỒN KHO

	30.6.2021		31.12.2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	21.016.449.591	-	17.545.072.441	-

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**(a) Ngắn hạn**

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Công cụ, dụng cụ	8.856.802.283	7.280.976.267
Chi phí bảo dưỡng, tu sửa	8.914.860.000	-
Chi phí bảo hiểm	1.119.594.799	1.609.588.839
	<u>18.891.257.082</u>	<u>8.890.565.106</u>

(b) Dài hạn

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Thuê cơ sở hạ tầng (*)	289.051.869.748	293.676.699.664
Công cụ, dụng cụ	485.694.067	2.294.512.039
Khác	1.287.781.250	1.325.843.750
	<u>290.825.345.065</u>	<u>297.297.055.453</u>

(*) Đây là tiền thuê cơ sở hạ tầng tại Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng cho giai đoạn từ ngày 5 tháng 11 năm 2014 đến ngày 16 tháng 10 năm 2052 theo Hợp đồng đề ngày 5 tháng 11 năm 2014 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO. Khoản trả trước này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong kỳ/năm như sau:

	Từ 1.1.2021 đến 30.6.2021 VND	Từ 1.1.2020 đến 31.12.2020 VND
Số dư đầu kỳ/năm	297.297.055.453	314.137.712.597
Tăng	-	640.820.000
Phân bổ trong kỳ/năm	(6.471.710.388)	(17.481.477.144)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>290.825.345.065</u>	<u>297.297.055.453</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	394.266.634.782	55.757.673.563	600.334.901.284	4.051.962.350	1.054.411.171.979
Mua trong kỳ	-	3.611.009.000	64.872.027.500	82.200.000	68.565.236.500
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	394.266.634.782	59.368.682.563	665.206.928.784	4.134.162.350	1.122.976.408.479
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	(150.494.171.150)	(37.235.967.492)	(363.862.487.315)	(4.051.962.350)	(555.644.588.307)
Khấu hao trong kỳ	(15.540.938.137)	(4.022.040.546)	(37.956.617.358)	(137.000)	(57.519.733.041)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	(166.035.109.287)	(41.258.008.038)	(401.819.104.673)	(4.052.099.350)	(613.164.321.348)
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	243.772.463.632	18.521.706.071	236.472.413.969	-	498.766.583.672
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	228.231.525.495	18.110.674.525	263.387.824.111	82.063.000	509.812.087.131

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 72.528.904.416 Đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 66.786.361.601 Đồng Việt Nam).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản khác phải thu/phải nộp Nhà nước trong kỳ như sau:

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Số phải thu/ nộp trong kỳ VND	Số đã thực thu/ nộp trong kỳ VND	Số cân trừ trong kỳ VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 30.06.2021 VND
a) Phải thu						
Thuế GTGT đầu vào	63.401.644.420	28.581.540.717	-	(19.879.900.144)	-	72.103.284.993
Thuế thu nhập cá nhân ("TNCN")	-	-	-	-	60.694.409	60.694.409
	<u>63.401.644.420</u>	<u>28.581.540.717</u>	<u>-</u>	<u>(19.879.900.144)</u>	<u>60.694.409</u>	<u>72.163.979.402</u>
b) Phải nộp						
Thuế GTGT đầu ra	-	19.879.900.144	-	(19.879.900.144)	-	-
Thuế TNDN	10.728.283.417	10.170.651.150	(15.590.520.799)	-	-	5.308.413.768
Thuế TNCN	33.869.567	262.291.127	(356.855.103)	-	60.694.409	-
Thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-	-
	<u>10.762.152.984</u>	<u>30.315.842.421</u>	<u>(15.950.375.902)</u>	<u>(19.879.900.144)</u>	<u>60.694.409</u>	<u>5.308.413.768</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Lương và thưởng cho nhân viên	4.413.682.007	10.009.878.794

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Chi phí hoa hồng	3.086.648.875	1.924.740.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.082.701.000	-
Điện, nước	220.879.913	200.165.266
Khác	-	580.454.200
	<u>6.390.229.788</u>	<u>2.705.359.841</u>

15 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Chi phí sửa chữa cảng	4.624.593.210	-
Khác	184.690.000	182.753.280
	<u>4.809.283.210</u>	<u>182.753.280</u>

16 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động về quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ/năm như sau:

	Từ 1.1.2021 đến 30.6.2021 VND	Từ 1.1.2020 đến 31.12.2020 VND
Số dư đầu kỳ/năm	2.727.139.000	2.056.989.000
Trích lập trong kỳ/năm	5.000.000.000	5.000.000.000
Sử dụng trong kỳ/năm	(3.805.752.000)	(4.329.850.000)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>3.921.387.000</u>	<u>2.727.139.000</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

17 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Số lượng cổ phiếu**

	30.6.2021	31.12.2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký	63.250.000	63.250.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	63.250.000	63.250.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.250.000	63.250.000

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30.6.2021		31.12.2020	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ Phần Container Việt Nam	47.025.000	74,35%	47.025.000	74,35%
Công ty Evergreen Marine Corp. (Taiwan) Ltd.	13.750.000	21,74%	13.750.000	21,74%
Cổ đông khác	2.475.000	3,91%	2.475.000	3,91%
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	63.250.000	100,0%	63.250.000	100,0%

c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số lượng cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1.1.2020	63.250.000	632.500.000.000
Tại ngày 31.12.2020	63.250.000	632.500.000.000
Tại ngày 30.6.2021	63.250.000	632.500.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

18 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1.1.2020	632.500.000.000	(94.000.000)	333.674.661.249	966.080.661.249
Lợi nhuận trong năm	-	-	151.877.001.161	151.877.001.161
Chia cổ tức			(63.250.000.000)	(63.250.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Tại ngày 31.12.2020	632.500.000.000	(94.000.000)	417.301.662.410	1.049.707.662.410
Lợi nhuận trong kỳ (*)	-	-	89.839.472.787	89.839.472.787
Chia cổ tức	-	-	(126.500.000.000)	(126.500.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Tại ngày 30.6.2021	632.500.000.000	(94.000.000)	375.641.135.197	1.008.047.135.197

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 8 tháng 4 năm 2021 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 04/2021/NQ-HĐQT đề ngày 4 tháng 5 năm 2021, Công ty phân phối 126.500.000.000 Đồng Việt Nam từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 để trả cổ tức cho các cổ đông.

19 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2021	2020
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	89.839.472.787	77.811.574.843
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(5.000.000.000)	(2.500.000.000)
	84.839.472.787	75.311.574.843
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	63.250.000	63.250.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	1.341	1.191

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

20 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm số tiền ngoại tệ là 597.156 Đô la Mỹ và 8 Euro (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.028.857 Đô la Mỹ và 8 Euro).

21 DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2021 VND	2020 VND
Bốc dỡ container	339.207.974.970	292.797.880.581
Phí chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch	22.112.149.761	32.113.922.534
Phí tàu lai	7.365.036.960	7.807.190.160
Dịch vụ khác	31.573.402.911	27.899.317.582
	<u>400.258.564.602</u>	<u>360.618.310.857</u>

22 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	14.895.460.647	13.599.704.000
Chi phí khấu hao và phân bổ	78.675.601.159	81.383.566.649
Chi phí dịch vụ mua ngoài	175.618.346.548	155.539.377.140
Chi phí khác	7.262.820.425	6.135.263.835
	<u>276.452.228.779</u>	<u>256.657.911.624</u>

23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	938.790.354	875.907.063
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	22.876.658	397.541.747
	<u>961.667.012</u>	<u>1.273.448.810</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2021 VND	2020 VND
Lãi vay	-	1.823.675.144
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	180.153.941	496.283.713
Lỗi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối kỳ	383.534.507	18.230.350
	<u>563.688.448</u>	<u>2.338.189.207</u>

25 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2021 VND	2020 VND
Chi phí hoa hồng	11.470.236.912	10.538.018.632
Chi phí nhân viên	1.529.866.080	1.866.702.692
Khác	245.454.546	-
	<u>13.245.557.538</u>	<u>12.404.721.324</u>

26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	4.153.114.420	3.372.721.308
Khấu hao và phân bổ	856.488.180	1.180.475.283
Dịch vụ mua ngoài	2.093.288.300	2.142.856.791
Khác	2.237.110.462	1.868.564.219
	<u>9.340.001.362</u>	<u>8.564.617.601</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

27 THUẾ TNDN

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 3550787247 đề ngày 26 tháng 4 năm 2017 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Thành phố Hải Phòng cấp, Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế (2016 - 2019) và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (2020 - 2028).

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	100.010.123.937	81.926.319.911
Thuế tính ở thuế suất phổ thông 20%	20.002.024.787	16.385.263.982
Điều chỉnh:		
- Chi phí không được khấu trừ	78.013.353	73.716.290
- Thuế được giảm	(9.909.386.990)	(12.344.235.204)
Chi phí thuế TNDN (*)	10.170.651.150	4.114.745.068
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	10.170.651.150	4.114.745.068
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN (*)	10.170.651.150	4.114.745.068

(*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

28 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	20.578.441.147	18.839.128.000
Chi phí khấu hao và phân bổ	79.121.041.167	82.401.287.267
Chi phí dịch vụ mua ngoài	189.427.326.306	168.220.252.563
Chi phí khác	9.910.979.059	8.166.582.719
	299.037.787.679	277.627.250.549

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

Mẫu số B 09a – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021****29 BẢO CÁO BỘ PHẬN**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch VND	Hoạt động lai dắt tàu VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần của bộ phận	339.207.974.970	22.112.149.761	7.365.036.960	31.573.402.911	400.258.564.602
Chi phí của bộ phận	(134.974.856.526)	(1.620.186.922)	(6.570.150.579)	(5.391.348.868)	(148.556.542.895)
Chi phí không phân bổ					(161.862.548.920)
Lợi nhuận sau thuế TNDN					<u>89.839.472.787</u>

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch VND	Hoạt động lai dắt tàu VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần của bộ phận	292.797.880.581	32.113.922.534	7.807.190.160	27.899.317.582	360.618.310.857
Chi phí của bộ phận	(120.307.007.006)	(2.007.402.751)	(7.061.752.060)	(5.346.240.643)	(134.722.402.460)
Chi phí không phân bổ					(148.084.333.554)
Lợi nhuận sau thuế TNDN					<u>77.811.574.843</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

Mẫu số B 09a – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

29 BẢO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch VND	Hoạt động lai đất tàu VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020					
Tài sản của bộ phận	356.345.607.392	2.102.237.984	2.851.722.330	12.740.903.103	374.040.470.809
Tài sản không phân bổ					715.509.895.435
Tổng tài sản					1.089.550.366.244
Nợ phải trả của bộ phận	47.995.287.875	-	1.123.405.750	7.346.527.299	56.465.220.924
Nợ phải trả không phân bổ					25.038.010.123
Tổng nợ phải trả					81.503.231.047
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020					
Tài sản của bộ phận	363.854.655.532	2.618.128.305	2.891.108.500	9.460.757.263	378.824.649.600
Tài sản không phân bổ					740.514.666.871
Tổng tài sản					1.119.339.316.471
Nợ phải trả của bộ phận	35.355.830.710	3.391.405.390	940.948.936	3.238.755.878	42.926.940.914
Nợ phải trả không phân bổ					26.704.713.147
Tổng nợ phải trả					69.631.654.061

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch chủ yếu với Công ty trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Quan hệ
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	Cổ đông – Công ty mẹ
Evergreen Marine Corp. (Taiwan) Ltd.	Cổ đông
Công ty TNHH Vận tải biển Ngôi sao Xanh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Container miền Trung	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistic Xanh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Tuyển Container T.S Hà Nội	Bên liên quan khác

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2021 VND	2020 VND
i) Doanh thu bán hàng		
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)	112.269.179.909	98.302.861.995
Công ty TNHH Tuyển Container T.S Hà Nội	15.983.899.622	14.001.641.556
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh	14.827.664.165	2.343.615.156
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	9.281.364.000	6.824.423.000
Công ty TNHH Vận tải biển Ngôi Sao Xanh	563.448.364	108.399.682
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	306.887.343	-
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	43.385.000	-
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	2.624.645.600	5.015.261.400
	<u>155.900.474.003</u>	<u>126.596.202.789</u>
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh	7.974.219.344	6.211.365.120
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	31.830.300.471	30.153.505.433
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi Sao Xanh	38.144.383.910	36.770.372.475
Cty TNHH MTV Trung Tâm Logistics Xanh	39.512.640.000	24.596.662.949
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	11.157.069.891	9.874.435.004
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	17.106.579.858	16.819.454.534
Công ty Cổ phần Container miền Trung	74.355.455	37.978.182
	<u>145.799.548.929</u>	<u>124.463.773.697</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2021 VND	2020 VND
iii) Chi phí hoa hồng Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)	8.791.410.675	5.486.877.000
iv) Trả cổ tức Công ty Cổ phần Container Việt Nam Evergreen Marine Corp. (Taiwan) Ltd.	94.050.000.000 27.500.000.000 <u>121.550.000.000</u>	47.025.000.000 13.750.000.000 <u>60.775.000.000</u>
v) Công ty chi trả hộ Công ty Cổ phần Container Việt Nam	1.334.000.000	-
vi) Hoạt động tài chính Công ty Cổ phần Container Việt Nam - Trả gốc vay - Trả lãi vay	- - <u>-</u>	14.272.462.949 1.779.990.695 <u>16.052.453.644</u>
vii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt Lương và các quyền lợi gộp khác	1.378.561.369	1.186.623.830
b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5) Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam) Công ty TNHH Tuyến Container T.S Hà Nội Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi Sao Xanh Công ty Cổ phần Container Việt Nam	34.753.049.903 5.203.674.568 5.673.997.623 2.093.640.500 148.907.000 47.723.500 <u>47.920.993.094</u>	28.286.504.492 5.014.396.844 3.381.844.025 - 4.950.000 7.084.000 <u>36.694.779.361</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	1.334.000.000	-
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 11)</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	7.522.909.462	3.836.809.033
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi Sao Xanh	13.657.357.300	13.786.528.900
Cty TNHH MTV Trung Tâm Logistics Xanh	18.597.934.500	9.559.252.505
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	4.515.264.139	2.114.268.985
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	6.741.495.775	6.059.693.529
Công ty Cổ phần Container miền Trung	-	22.370.000
	<u>51.034.961.176</u>	<u>35.378.922.952</u>

31 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Thuê đất		
Từ 1 đến 5 năm	601.316.000	-
Trên 5 năm	31.669.309.333	32.270.625.333
	<u>32.270.625.333</u>	<u>32.270.625.333</u>

32 NỢ TIỀM TÀNG

Theo hợp đồng thuê đất số 04/HĐ-TĐ đề ngày 28 tháng 1 năm 2015 ký với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng, Công ty có nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng có diện tích 152.694,9 m² tại Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng vào cuối thời hạn thuê. Việc khôi phục bao gồm tháo dỡ các tài sản của Công ty trên khu đất nêu trên và phục hồi khu đất về trạng thái ban đầu. Người đại diện theo pháp luật của Công ty đánh giá chưa thể ước tính các chi phí hoàn nguyên một cách đáng tin cậy do thiếu các thông tin phục vụ việc ước tính như khả năng Công ty có thể gia hạn thời gian thuê, đơn giá và mức độ các tài sản xây dựng trên đất sẽ cần phải di dời. Do đó, Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng hoàn nguyên này vào báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021. Công ty sẽ tham vấn chuyên gia về cách thức ước tính và sẽ ghi nhận dự phòng chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào báo cáo tài chính trong tương lai.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

33 ÁNH HƯỞNG CỦA COVID-19

Sự tái bùng phát và lan rộng của Covid-19 từ đầu năm 2021 là một tình huống khó khăn và thách thức đối với hoạt động của Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty đã thực hiện đánh giá về tác động của tình huống này đối với hoạt động của Công ty, bao gồm khả năng thu hồi giá trị ghi sổ của các tài sản, ghi nhận giá trị của các tài sản và nợ phải trả và cho rằng ảnh hưởng của Covid-19 là không trọng yếu đối với hoạt động của Công ty trong tương lai gần. Người đại diện theo pháp luật của Công ty sẽ tiếp tục theo dõi tình hình, có các hành động phù hợp và kịp thời để giảm thiểu tác động trong tương lai.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Người đại diện theo pháp luật của Công ty phê chuẩn ngày 4 tháng 8 năm 2021.



Nghiêm Thị Thùy Dương
Kế toán trưởng/Người lập



Cáp Trọng Cường
Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật

